

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2019
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lan Phương

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Đoàn- Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khổng Thị Thu H, sinh năm 1983, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Gi, xã X, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Gi, xã X, huyện L, tỉnh V.

Hiện đang ở: Tổ 2, ấp S, xã Th, huyện Ch, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 01 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Khổng Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thái B ngày 18 tháng 3 năm 2011, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong hai vợ chồng chị vào

tỉnh T làm ăn, đến năm 2015 hai vợ chồng lại chuyển ra ở tại xã X, huyện L, tỉnh V. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B lười lao động, thường xuyên rượu chè rồi về nhà đập phá đồ đạc, đánh đập chị. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, tháng 3/2016 anh B bỏ về T. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được nên chị xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/3/2013, hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thái B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 anh trình bày: Anh và chị Khổng Thị Thu H quen biết nhau từ năm 2010. Anh chị tìm hiểu nhau đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sống chung với cha mẹ ruột anh tại ấp S, xã Th, huyện Ch, tỉnh T. Đến khoảng năm 2015, vợ chồng anh chuyển về V sống chung với mẹ chị H. Anh sống ở V khoảng hơn một năm nhưng do không hợp với khí hậu miền Bắc, nên anh có bàn bạc với chị H chuyển vào Nam sinh sống nhưng chị H không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 anh chuyển về T sống với bố mẹ anh một thời gian ngắn, sau đó anh xuống Bình Phước làm, thỉnh thoảng mới về T, còn chị H vẫn sống ở V. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân, cha mẹ anh có hòa giải, khuyên vợ chồng anh về sống chung với nhau, nhưng anh không thể sống ngoài Bắc mà chị H cũng không chịu vào Nam nên vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/3/2013, hiện cháu Huy đang sống cùng chị H. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên giữa anh và chị H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh B xác nhận không có và không yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh B. Về con chung: giao chị H nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Khổng Thị Thu H có đơn yêu cầu xin ly hôn bị đơn anh Nguyễn Thái B có hộ khẩu thường trú tại thôn Gi, xã X, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V. Trong quá trình giải quyết, chị H cung cấp địa chỉ hiện anh B đang sinh sống, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện L đã ủy thác đến Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh T nơi anh B đang sinh sống để lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều có mặt, anh B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Khổng Thị Thu H và anh Nguyễn Thái B là cuộc hôn nhân hợp pháp xây dựng trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống. Cả chị H và anh B đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không thể thống nhất quan điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét đề nghị của chị Huệ Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay chị H xin ly hôn, anh B đồng ý là hoàn toàn tự nguyện. Xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị H, anh B đều xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/3/2013, hiện cháu H đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H xin được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B đồng ý để chị H nuôi con. Xét yêu cầu của chị H xin được nuôi con và không yêu cầu

cấp dưỡng, anh B đồng ý để chị H nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị H không yêu cầu giải quyết, anh B xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Khổng Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khổng Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thái B.

Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/3/2013, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Khổng Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2016/ 0004976 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- UBND xã X
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu
Ngô Thị Minh Hiệp

